

Số: 116 /KH-UBND

Hậu Giang, ngày 09 tháng 6 năm 2021

## KẾ HOẠCH

### Xây dựng Chính quyền điện tử, đô thị thông minh và chuyển đổi số tỉnh Hậu Giang năm 2021

#### I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

- Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư;
- Luật Công nghệ thông tin;
- Luật Giao dịch điện tử;
- Luật An toàn thông tin mạng;
- Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;
- Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;
- Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17/4/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW;
- Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến 2025;
- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”;
- Quyết định số 2323/QĐ-BTTTT ngày 31/12/2019 của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam phiên bản 2.0;
- Công văn số 2606/BTTTT-THH-ATTT ngày 15/7/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc hướng dẫn xây dựng Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển Chính phủ/Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng năm 2021 và giai đoạn 2021 - 2025;



- Nghị quyết số 02/NQ-TU ngày 02/12/2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XIV) về xây dựng Chính quyền điện tử và chuyển đổi số tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030;

- Chương trình số 257-CTr/TU ngày 30/12/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách thực hiện cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

- Kế hoạch số 196-KH/TU ngày 10/6/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 41-CT/TW ngày 24/3/2020 của Ban Bí thư về tăng cường phối hợp triển khai đồng bộ các biện pháp đảm bảo an toàn, an ninh mạng;

- Nghị quyết số 25/2020/NQ-HĐND ngày 04/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua Đề án xây dựng Chính quyền điện tử và đô thị thông minh tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2020 - 2025;

- Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 04/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng Chính quyền điện tử và đô thị thông minh tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2021 - 2025;

- Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 11/5/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng Chính quyền điện tử và đô thị thông minh tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2021 - 2025;

- Quyết định số 2504/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Hậu Giang, phiên bản 2.0;

- Kế hoạch số 523/KH-UBND ngày 20/3/2020 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình số 257-CTr/TU ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách thực hiện cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

- Kế hoạch số 319/KH-UBND ngày 27/02/2020 của UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh Hậu Giang;

- Kế hoạch số 78/KH-UBND ngày 27/4/2021 của UBND tỉnh về xây dựng chính quyền điện tử, đô thị thông minh và chuyển đổi số giai đoạn 2021 - 2025;

- Kế hoạch số 83/KH-UBND ngày 29/4/2021 của UBND tỉnh về chuyển đổi IPv6 cho các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2021 - 2023.

## **II. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HẬU GIANG NĂM 2020**

*(Theo Kế hoạch số 3209/KH-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Hậu Giang năm 2020)*

### **1. Kết quả đạt được**

Năm 2020, tỉnh đã cơ bản hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra trong Kế hoạch số 3209/KH-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Hậu Giang năm 2020, cụ thể như sau:

#### **a) Xây dựng và hoàn thiện hạ tầng**

- Hoàn thành việc xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dữ liệu cấp tỉnh (LGSP), kết nối với nền tảng chia sẻ, tích hợp dữ liệu quốc gia (NGSP), một số phần mềm dùng chung của tỉnh được kết nối liên thông dữ liệu với nhau và có thể kết nối, khai thác dữ liệu của các Bộ, ngành.

- Ban hành Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Hậu Giang, phiên bản 2.0.

- Xây dựng và tiếp tục cập nhật một số cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh để giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến, phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo điều hành của lãnh đạo tỉnh.

- Xây dựng, nâng cấp Cổng thông tin điện tử của tỉnh và hệ thống thư điện tử công vụ (thuê dịch vụ công nghệ thông tin) phù hợp với Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Hậu Giang, phiên bản 2.0, đang được khai thác sử dụng hiệu quả.

- Xây dựng và đưa vào vận hành Trung tâm Giám sát, điều hành đô thị thông minh tỉnh Hậu Giang.

#### **b) Ứng dụng công nghệ thông tin trong nội bộ cơ quan**

- Hệ thống quản lý văn bản của tỉnh được đưa vào vận hành, sử dụng. Hầu hết các cơ quan, đơn vị tham gia sử dụng Hệ thống quản lý văn bản phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành. Các văn bản, tài liệu trao đổi giữa các đơn vị được ký số, gửi, nhận hoàn toàn dưới dạng điện tử, trên môi trường mạng.

- Thực hiện liên thông gửi nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan Trung ương và địa phương qua Trục liên thông văn bản quốc gia.

#### **c) Đảm bảo an toàn, an ninh mạng**

Năm 2020, tỉnh đang triển khai thí điểm hệ thống giám sát an toàn, an ninh mạng, cơ bản đảm bảo an toàn cho các trang thiết bị, hệ thống thông tin, ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

## **2. Hạn chế và nguyên nhân**

- Việc triển khai các dự án công nghệ thông tin năm 2020 còn chậm so với kế hoạch.

- Chưa có cơ chế, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức chuyên trách công nghệ thông tin trong các cơ quan Đảng, cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

- Lãnh đạo một số cơ quan, đơn vị chưa quan tâm đến lĩnh vực công nghệ thông tin nên quá trình triển khai còn gặp khó khăn, hiệu quả chưa cao.

- Trang thiết bị máy tính của sở, ngành, địa phương đã cũ và hết khấu hao sử dụng từ lâu.

- Cán bộ công nghệ thông tin chưa được tập huấn, cập nhật, bồi dưỡng kiến thức thường xuyên, đặc biệt là các kiến thức liên quan đến an toàn và bảo mật thông tin.

## **III. NỘI DUNG KẾ HOẠCH XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, ĐÔ THỊ THÔNG MINH VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ TỈNH HẬU GIANG NĂM 2021**

### **1. Mục tiêu tổng quát**

a) Trang bị, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin các cơ quan nhà nước, đảm bảo hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng việc triển khai các ứng dụng dùng chung của tỉnh, các ứng dụng chuyên ngành của các cơ quan, tổ chức.

b) Hoàn thiện các nền tảng, hệ thống thông tin, phần mềm dùng chung của tỉnh để nâng cao hiệu quả sử dụng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả xử lý công việc của các cơ quan nhà nước, hướng tới xây dựng Chính quyền số, phát triển kinh tế số và xã hội số.

c) Đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng cho các hệ thống thông tin, ứng dụng công nghệ thông tin của tỉnh theo mô hình 4 lớp.

d) Đào tạo nguồn nhân lực triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và đảm bảo an toàn, an ninh mạng.

### **2. Mục tiêu cụ thể**

**2.1. Hoàn thiện Chính quyền điện tử, phát triển Chính quyền số, chuyển đổi hoạt động của cơ quan nhà nước lên môi trường số**

a) 100% dịch vụ công được đưa lên trực tuyến mức độ 3, 4, được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm thiết bị di động.

b) 100% cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh sử dụng phần mềm quản lý văn bản và được kết nối, liên thông qua Trục liên thông văn bản quốc gia phục vụ gửi, nhận văn bản điện tử; 100% văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước (trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật) dưới dạng điện tử có ký số được luân chuyển trên phần mềm quản lý văn bản của tỉnh.

c) 90% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh; 80% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 60% hồ sơ công việc tại cấp cơ sở được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

d) 100% báo cáo định kỳ, báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của Thường trực Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh được thực hiện qua hệ thống báo cáo của tỉnh.

đ) 100% báo cáo Chính phủ định kỳ (không bao gồm nội dung mật) được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia.

e) Triển khai hệ thống trợ lý ảo trong giải đáp các thủ tục hành chính.

## ***2.2. Phát triển xã hội số, xây dựng đô thị thông minh***

a) Các hệ thống thông tin của tỉnh được đảm bảo an toàn, an ninh mạng theo mô hình 4 lớp; tiếp tục cải thiện chỉ số an toàn thông tin mạng của tỉnh Hậu Giang năm 2021;

b) Mỗi hộ, gia đình có một mã bưu chính, có thể tra cứu địa chỉ bằng bản đồ số.

c) Xây dựng kế hoạch hiện đại hóa hệ thống thông tin cơ sở bằng công nghệ số; đổi mới nội dung báo chí, truyền thông nhằm tạo đồng thuận, niềm tin xã hội, khát vọng phát triển, tạo ra sức mạnh tinh thần để tỉnh bứt phá vươn lên.

## ***2.3. Phát triển kinh tế số, chuyển đổi số các ngành, lĩnh vực***

a) Ưu tiên chuyển đổi số các lĩnh vực: Nông nghiệp, Y tế, Giáo dục; xây dựng kế hoạch chuyển đổi số các ngành, lĩnh vực.

b) Xây dựng kế hoạch và từng bước hình thành hệ thống doanh nghiệp công nghệ số.

## **3. Nhiệm vụ, giải pháp**

### ***3.1. Chuyển đổi, thống nhất nhận thức về xây dựng Chính quyền điện tử, chuyển đổi số***

a) Tổ chức quán triệt các chủ trương, chính sách về xây dựng Chính quyền điện tử, chuyển đổi số, kinh tế số, xã hội số tại các cơ quan, đơn vị.

b) Xây dựng các chuyên mục về Chính quyền điện tử, chuyển đổi số trên các loại hình báo chí, truyền thông xã hội để nâng cao nhận thức của người dân về xây dựng Chính quyền điện tử, chuyển đổi số, kinh tế số, xã hội số.

### ***3.2. Hoàn thiện môi trường pháp lý, chính sách thúc đẩy chuyển đổi số, phát triển kinh tế số***

Nghiên cứu, đề xuất chính sách tạo điều kiện thuận lợi để thu hút và phát triển doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh, từng bước hình thành hệ sinh thái phát triển kinh tế số, trong đó tập trung ưu đãi về thuế, chi phí thuê, sử dụng đất, hỗ trợ về hạ tầng viễn thông, Internet, tuyển dụng và đào tạo nguồn nhân lực công nghệ số để hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh.

### ***3.3. Nâng cấp, phát triển hạ tầng số***

a) Đầu tư, nâng cấp trang thiết bị công nghệ thông tin cho các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

b) Thực hiện chuyển đổi IPv6 cho mạng lưới, dịch vụ, ứng dụng, phần mềm và thiết bị trên địa bàn tỉnh.

c) Nâng cấp, mở rộng hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến của tỉnh đến cấp xã.

d) Trang bị phòng họp không giấy tại Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh.

đ) Nâng cấp hạ tầng máy chủ, đường truyền, thiết bị lưu trữ theo phương thức thuê dịch vụ điện toán đám mây của doanh nghiệp để cài đặt, vận hành các nền tảng, phần mềm, ứng dụng, cơ sở dữ liệu của tỉnh.

### ***3.4. Xây dựng, phát triển các nền tảng dùng chung***

a) Mở rộng, nâng cấp các nền tảng dùng chung của tỉnh, bao gồm: Cổng Dịch vụ công trực tuyến tỉnh; Hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh.

b) Xây dựng hệ thống trợ lý ảo trả lời tự động các thông tin về dịch vụ công.

### ***3.5. Hình thành các cơ sở dữ liệu***

Kết nối với các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin quốc gia, hệ thống thông tin triển khai từ trung ương đến địa phương.

### ***3.6. Phát triển, nâng cấp các ứng dụng, dịch vụ số***

a) Ban hành, cập nhật quy chế sử dụng các ứng dụng, phần mềm đang triển khai để nâng cao hiệu quả sử dụng.

b) Mở rộng, nâng cấp ứng dụng di động HauGiang để tích hợp các dịch vụ thông minh phục vụ doanh nghiệp, người dân, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp và người dân tương tác với cơ quan nhà nước.

### **3.7. Hỗ trợ chuyển đổi số trong doanh nghiệp, phát triển xã hội số**

a) Xây dựng chính sách hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện chuyển đổi số trong mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh để nâng cao năng suất lao động, hiệu quả kinh doanh.

b) Xây dựng chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tiếp cận, khai thác dịch vụ số, sử dụng dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ đô thị thông minh và thương mại điện tử.

### **3.8. Triển khai các ứng dụng, dịch vụ đô thị thông minh**

a) Nâng cấp, hoàn thiện Trung tâm Giám sát, điều hành đô thị thông minh để điều phối hoạt động chỉ đạo điều hành, quản lý cung cấp dịch vụ số.

b) Nghiên cứu xây dựng mạng lưới các thiết bị IoT của tỉnh Hậu Giang phục vụ phát triển chính quyền điện tử và đô thị thông minh.

### **3.9. Chuyển đổi số các ngành, lĩnh vực**

a) Các ngành, lĩnh vực xây dựng và ban hành kế hoạch chuyển đổi số.

b) Lựa chọn một số ngành, lĩnh vực thực hiện chuyển đổi số trước để đánh giá hiệu quả và tạo hiệu ứng lan tỏa.

c) Triển khai thí điểm chuyển đổi số ít nhất 02 đơn vị cấp xã.

### **3.10. Phát triển kinh tế số**

a) Triển khai nhanh ứng dụng các nền tảng thanh toán không dùng tiền mặt trong cơ quan nhà nước và trong cộng đồng.

b) Phát triển hạ tầng bưu chính trở thành một bộ phận trong hệ thống logistic về thương mại điện tử, hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn và nông dân.

c) Tham gia giới thiệu, quảng bá sản phẩm OCOP của tỉnh trên một số sàn giao dịch để hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, người dân quảng bá thương hiệu, chất lượng sản phẩm trên môi trường mạng.

### **3.11. Bảo đảm an toàn, an ninh mạng**

a) Triển khai hệ thống giám sát an toàn, an ninh mạng (SOC) để đảm bảo an toàn thông tin cho các trang thiết bị, ứng dụng, phần mềm dùng chung của tỉnh.

b) Tuyên truyền, nâng cao nhận thức, kỹ năng phòng, tránh nguy cơ mất an toàn thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức và người dân.

### ***3.12. Chuẩn bị nguồn nhân lực phục vụ xây dựng Chính quyền điện tử, thực hiện chuyển đổi số***

a) Đào tạo, tập huấn cho cán bộ, công chức về kỹ năng sử dụng, khai thác các hệ thống thông tin, nhận thức về chuyển đổi số, kinh tế số, xã hội số.

b) Xây dựng và triển khai chính sách, giải pháp hỗ trợ người dân và doanh nghiệp sử dụng hiệu quả dịch vụ công trực tuyến.

## **4. Danh mục nhiệm vụ, dự án**

*(Đính kèm danh mục các nhiệm vụ, dự án trong Phụ lục)*

## **5. Kinh phí thực hiện**

Kinh phí thực hiện Kế hoạch từ ngân sách nhà nước của tỉnh; nguồn đầu tư của doanh nghiệp, khu vực tư nhân, cộng đồng và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

## **6. Tổ chức thực hiện**

### ***a) Sở Thông tin và Truyền thông***

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương triển khai thực hiện Kế hoạch này.

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và các cơ quan liên quan xây dựng dự toán kinh phí để triển khai Kế hoạch, trình UBND tỉnh phê duyệt theo quy định.

- Phối hợp với Sở Nội vụ và các sở, ban, ngành tỉnh đẩy mạnh các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong chương trình cải cách hành chính, nhằm nâng cao năng lực và hiệu quả các hoạt động quản lý nhà nước, phục vụ người dân và doanh nghiệp.

### ***b) Sở Kế hoạch và Đầu tư***

Cân đối nguồn vốn bố trí cho các dự án để thực hiện Kế hoạch, đồng thời tranh thủ các nguồn hỗ trợ hợp pháp khác phù hợp theo quy định của pháp luật.

### ***c) Sở Tài chính***

Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan, đơn vị liên quan, căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, thực hiện Kế hoạch theo quy định.



**d) Sở Nội vụ**

Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan có liên quan xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin và nâng cao trình độ, tiêu chuẩn kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin cho cán bộ, công chức của các cơ quan, đơn vị trong kế hoạch hàng năm của tỉnh; gắn kết chặt chẽ nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước với nhiệm vụ cải cách hành chính của tỉnh.

**đ) Các sở, ban, ngành tỉnh và UBND huyện, thị xã, thành phố**

- Xây dựng, phê duyệt và tổ chức thực hiện Kế hoạch xây dựng Chính quyền điện tử, đô thị thông minh và chuyển đổi số năm 2021 của cơ quan, đơn vị, địa phương mình. Ưu tiên cân đối, bố trí, huy động kinh phí để triển khai thực hiện.

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện Kế hoạch chung của tỉnh, bảo đảm đồng bộ với Kế hoạch phát triển của ngành và địa phương.

Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị và địa phương phản ánh về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, giải quyết./

**Nơi nhận:**

- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- TT: TU, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, NC.HQ

E:\2021\11\_STTVI\_Thop\29.KH\_2021.doc

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Hồ Thu Ánh**

## PHỤ LỤC

### Danh mục các nhiệm vụ, dự án thực hiện Kế hoạch

(Kèm theo Kế hoạch số 116 /KH-UBND ngày 09 tháng 6 năm 2021 của UBND tỉnh Hậu Giang)

STT	Tên nhiệm vụ, dự án	Đơn vị chủ trì
1	Nâng cấp, mở rộng hệ thống hội nghị trực tuyến của tỉnh đến cấp xã	Sở Thông tin và Truyền thông
2	Trang bị, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin cho các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông
3	Xây dựng hệ thống phòng họp không giấy	Văn phòng UBND tỉnh
4	Hệ thống giám sát an toàn, an ninh mạng	Sở Thông tin và Truyền thông
5	Mở rộng, nâng cấp Cổng dịch vụ công trực tuyến	Sở Thông tin và Truyền thông
6	Mở rộng, nâng cấp ứng dụng di động Hậu Giang	Văn phòng UBND tỉnh
7	Mở rộng, nâng cấp hệ thống quản lý văn bản	Văn phòng UBND tỉnh
8	Hệ thống trợ lý ảo giải đáp thủ tục hành chính	Văn phòng UBND tỉnh
9	Mở rộng, nâng cấp các ứng CNTT của các cơ quan Đảng	Văn phòng Tỉnh ủy
10	Nghiên cứu xây dựng mạng lưới các thiết bị IoT của tỉnh Hậu Giang phục vụ phát triển chính quyền điện tử và đô thị thông minh	Sở Thông tin và Truyền thông
11	Tuyên truyền, đào tạo, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến	Sở Thông tin và Truyền thông

